

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Ông Trương Cao Quý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:**

Bà: Trương Thị Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Ng đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn C, xã D, huyện B, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn Ng, sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn C, xã D, huyện B, Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, Ng đơn chị H trình bày: Chị và anh Ng tự do tìm hiểu trong khoảng thời gian ngắn, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 01/11/2010. Hôn nhân hạnh phúc được khoảng 03 năm đầu, quá trình chung sống do chị thường xuY đi làm công ty, anh Ng ở nhà, hai bên xa cách nhau dẫn đến không tin tưởng nhau, anh Ng ghen tuông vô cớ, vợ chồng tranh cãi, căng thẳng, mỗi khi chị về vợ chồng chỉ cãi cọ, mắng chửi nhau, mỗi lần về nhà như vậy chị không muốn về nhà nữa, vì vậy từ tháng 11/2023 tôi không về ở với anh Ng nữa, tết cũng không về mà ở lại công ty làm. Từ đó đến nay chị chỉ liên hệ để gọi điện thăm con hoặc gọi cho bố chồng. Nay tôi xét thấy vợ chồng không còn có hạnh phúc khi cùng chung sống nên có nguyện vọng được ly

hôn với anh Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Linh Y, sinh ngày 16/3/2011 và Hà Bảo A, sinh ngày: 04/3/2016. Vợ chồng ly hôn chị cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng xét thấy các cháu lớn lên bên nội, có chị có em, đã quen môi trường sống nên chị để anh Ng tiếp tục nuôi 02 con và chị cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu, tổng 02 cháu 2.000.000đ/tháng, nếu có thêm thì sẽ cho sau.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và đơn xin thay đổi nguyện vọng trực tiếp nuôi con khi ly hôn chị H trình bày: Quá trình ly hôn chị cũng có nói chuyện với con, cháu Linh Y trình bày nguyện vọng được ở với tôi, xét thấy cháu 13 tuổi, đã nhận thức được mọi việc vì vậy chị tôn trọng ý kiến của con, chị thay đổi ý kiến về nuôi con, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Linh Y, giao anh Ng nuôi cháu Bảo A, do ai cũng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản cho anh Ng nhưng anh Ng không đến tòa án làm việc, chị H đề nghị không tiến hành hoà giải. Vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Ng không đến làm việc. Anh Ng cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của Ng đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Căn cứ điều 227, 228, 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Ng.

Về con chung: Giao cháu Hà Linh Y, sinh ngày 16/3/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà Bảo A, sinh ngày: 04/3/2016 cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị H, anh Ng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ng đơn, bị đơn đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ng đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt Ng đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 01/11/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do chị H đi làm xa nhà dẫn đến hai bên không còn tin tưởng lẫn nhau, từ tháng 11/2023 chị H đã không về chung sống với anh Ng nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, việc này phù hợp với biên bản xác minh của tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh Ng.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Linh Y, sinh ngày 16/3/2011 và Hà Bảo A, sinh ngày: 04/3/2016. Vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 cháu, chị nuôi cháu Linh Y, giao anh Ng nuôi cháu Bảo A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Quá trình giải quyết vụ án anh Ng không có văn bản trình bày đối với vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản, tại biên bản xác minh ngày 27/6/2024 bố đẻ anh Ng là ông Hà Văn Hoàn xác nhận hiện 02 con chung đang do anh Ng và gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên xét thấy ai cũng là bố là mẹ, đều phải có trách nhiệm nuôi dạy con chung. Vì vậy, ly hôn giao cháu Linh Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo A cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

TuY xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn Ng.

Về con chung: Giao cháu Hà Linh Y, sinh ngày 16/3/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, giao cháu Hà Bảo A, sinh ngày: 04/3/2016 cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị H, anh Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0005966 ngày 28/5/2024. Chị H đã nộp đủ án phí.

Ng đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Vũ Văn Nga

